

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH CÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Chaipatr Srivisarvacha	Chủ tịch
Ông Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bảo	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	Thành viên
Bà Duangrat Watanapongchat	Thành viên
Ông Suk Min Suk	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trương Gia Bảo	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm Soát

Bà Nguyễn Minh Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kiều Yên	Thành viên
Ông Somporn Sasiroj	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ doanh nghiệp kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ doanh nghiệp kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Trương Gia Bảo

Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Số: 101 /VNIA-HC- BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

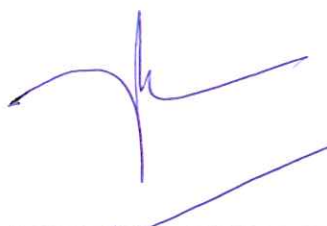
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Ngô Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Phạm Thu Thủy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2259-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		318.685.517.842	229.999.306.926
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	54.718.922.795	61.067.768.728
1. Tiền	111		5.368.922.795	8.022.768.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.350.000.000	53.045.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	111.369.336.588	85.589.189.791
1. Đầu tư ngắn hạn	121		111.511.231.957	85.686.372.429
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(141.895.369)	(97.182.638)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	152.300.540.273	81.476.105.466
1. Trả trước cho người bán	132		156.610.000	223.682.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		143.535.646.389	73.264.931.511
3. Các khoản phải thu khác	138		10.008.283.884	9.387.491.955
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	-	1.516.352.760
1. Hàng tồn kho	141		-	1.516.352.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		296.718.186	349.890.181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.235.186	349.890.181
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.483.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		103.055.045.848	109.660.302.348
I. Tài sản cố định	220		5.047.954.634	6.465.928.846
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.276.001.242	1.805.342.117
- Nguyên giá	222		15.377.400.749	15.377.400.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.101.399.507)	(13.572.058.632)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.771.953.392	4.660.586.729
- Nguyên giá	228		17.309.166.894	17.242.094.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.537.213.502)	(12.581.508.165)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	95.000.000.000	101.500.000.000
1. Đầu tư tài chính dài hạn	258		95.000.000.000	101.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.007.091.214	1.694.373.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.893.571.766	719.723.346
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	479.255.928	340.386.636
3. Tài sản dài hạn khác	268		634.263.520	634.263.520
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		421.740.563.690	339.659.609.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		90.812.604.956	12.678.053.422
I. Nợ ngắn hạn	310		90.812.604.956	12.678.053.422
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	32.570.113.463	-
2. Phải trả người bán	312		49.987.200	49.987.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	110.793.143	74.860.542
4. Phải trả người lao động	315		137.165.000	120.132.523
5. Chi phí phải trả	316		817.185.987	805.750.000
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	57.070.572.915	11.617.311.296
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		14.965.188	1.111.801
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		41.822.060	8.900.060
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		330.927.958.734	326.981.555.852
I. Vốn chủ sở hữu	410		330.927.958.734	326.981.555.852
1. Vốn cổ phần	411	17	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(29.072.041.266)	(33.018.444.148)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		421.740.563.690	339.659.609.274

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG	Mã số	30/6/2015	31/12/2014
6. Chứng khoán lưu ký	06	1.603.326.663.400	1.621.281.385.700
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	07	1.379.751.673.800	1.436.540.703.900
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	08	10.936.388.500	15.801.150.300
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	09	40.238.319.100	37.850.430.700
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	424.244.200	400.495.900
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	11	1.328.152.722.000	1.382.488.627.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12	416.788.800	366.973.400
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	13	1.800.000	1.800.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14	414.988.800	365.173.400
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	42	223.158.200.800	184.373.708.400
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	44	223.158.200.800	184.373.708.400

Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Trần Thị Thúy Lan
Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu	01		14.276.247.694	13.763.401.034
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.003.580.039	735.138.326
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.438.382.524	1.689.871.440
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		64.603.688	400.000
- Doanh thu khác	01.9	19	11.769.681.443	11.337.991.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		14.276.247.694	13.763.401.034
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		4.871.632.702	6.112.984.495
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		9.404.614.992	7.650.416.539
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.458.212.110	5.523.341.916
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		3.946.402.882	2.127.074.623
8. Thu nhập khác	31		-	7.393.654
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	7.393.654
11. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		3.946.402.882	2.134.468.277
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		3.946.402.882	2.134.468.277
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	110	59



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Trần Thị Thúy Lan
Quyền Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.946.402.882	2.134.468.277
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.485.046.212	1.819.565.057
Các khoản dự phòng	03	44.712.731	596.114.171
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.431.759.391)	(4.701.601.978)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.955.597.566)	(151.454.473)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(70.351.972.099)	(29.261.569.094)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.516.352.760	-
Thay đổi các khoản phải trả	11	45.564.438.071	(12.112.937.619)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.111.193.425)	(114.808.227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.337.972.259)	(41.640.769.413)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(67.072.000)	-
2. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(143.979.558.000)	(159.023.371.729)
3. Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	124.654.698.472	153.048.196.153
4. Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia	27	6.810.944.391	5.968.700.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.580.987.137)	(6.475.576)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	81.064.507.604	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.494.394.141)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.570.113.463	-
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(6.348.845.933)	(41.647.244.989)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.067.768.728	153.701.706.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>54.718.922.795</u>	<u>112.054.461.307</u>



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Trần Thị Thúy Lan
Quyền Kế toán trưởng

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 05a-CTCK
Đơn vị: VND

	Vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	360.000.000.000	(38.892.046.658)	321.107.953.342
Lợi nhuận trong năm	-	5.873.602.510	5.873.602.510
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>360.000.000.000</u>	<u>(33.018.444.148)</u>	<u>326.981.555.852</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	3.946.402.882	3.946.402.882
Số dư tại ngày 30/6/2015	<u>360.000.000.000</u>	<u>(29.072.041.266)</u>	<u>330.927.958.734</u>



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Trần Thị Thúy Lan
Quyền Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 27 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ doanh nghiệp kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a -CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ doanh nghiệp kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và các khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ ngắn hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả hộ cổ tức.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này trong kỳ. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra. Các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a -CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu**Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

2: B1
CỘNG
CỔ
CHỨNG
THÀNH
T.P.

01125
CHI N
CỘNG
H NHIỆ
ELO
IỆT
TP.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a -CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ và doanh thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không thực hiện tiến hành trích lập các quỹ nêu trên do lợi nhuận chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	62.748.184	30.708.197
Tiền gửi ngân hàng	5.306.174.611	7.992.060.531
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>4.825.737.091</i>	<i>5.418.532.967</i>
Các khoản tương đương tiền	49.350.000.000	53.045.000.000
	54.718.922.795	61.067.768.728

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 4.825.737.091 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.418.532.967 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản tiền của nhà đầu tư tại tài khoản tiền gửi ngân hàng đang thấp hơn so với số tiền Công ty phải trả cho nhà đầu tư với số tiền là 17.135.612.776 đồng (xem thêm Thuyết minh số 16).

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 4,68%/năm (năm 2014: 5,0%/năm). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tương đương tiền với số tiền là 42.250.000.000 đồng đang được dùng làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay thấu chi của Công ty tại một ngân hàng thương mại như đã trình bày ở Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a -CTCK

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đầu tư tài chính ngắn hạn

- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	9.031.231.957 102.480.000.000 <u>111.511.231.957</u>	404.052.713 - <u>404.052.713</u>	(141.895.369) - <u>(141.895.369)</u>	9.293.389.301 102.480.000.000 <u>111.773.389.301</u>	(141.895.369) - <u>(141.895.369)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đầu tư tài chính ngắn hạn

- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	18.411.372.429 67.275.000.000 <u>85.686.372.429</u>	167.582.509 - <u>167.582.509</u>	(97.182.638) - <u>(97.182.638)</u>	18.481.772.300 67.275.000.000 <u>85.756.772.300</u>	(97.182.638) - <u>(97.182.638)</u>

(i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại các Sở giao dịch Chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a -CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Số phát sinh trong kỳ			30/6/2015		Dự phòng đã trích lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND		
1. Trả trước cho người bán	223.682.000	-	-	67.072.000	156.610.000	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.264.931.511	-	481.874.094.083	411.603.379.205	143.535.646.389	-	-	-
- Phải thu khách hàng về phí môi giới chứng khoán	6.982.670	-	192.249.592	146.850.291	52.381.971	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	5.676.875.721	-	328.635.247.931	298.069.521.357	36.242.602.295	-	-	-
- Phải thu hoạt động ứng trước	205.727.751	-	41.253.750.928	7.813.382.391	33.646.096.288	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	67.375.345.369	-	111.792.845.632	105.573.625.166	73.594.565.835	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác	9.387.491.955	2.000.000.000	6.968.377.288	6.347.585.359	10.008.283.884	2.000.000.000	2.000.000.000	(1.400.000.000)
- Lãi tiền gửi	5.378.200.000	-	6.542.870.000	5.944.055.000	5.977.015.000	-	-	-
- Phải thu khác (*)	4.009.291.955	2.000.000.000	425.507.288	403.530.359	4.031.268.884	2.000.000.000	2.000.000.000	(1.400.000.000)
Tổng các khoản phải thu	82.876.105.466	2.000.000.000	488.842.471.371	418.018.036.564	153.700.540.273	2.000.000.000	2.000.000.000	(1.400.000.000)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	(1.400.000.000)	-	-	-	(1.400.000.000)	-	-	-
	81.476.105.466	2.000.000.000	488.842.471.371	418.018.036.564	152.300.540.273	2.000.000.000	2.000.000.000	(1.400.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a -CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

(*) Đây chủ yếu là phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang - cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung. Trước đó, Ông Nguyễn Thành Chung nộp tiền góp vốn mua cổ phần vào Công ty nhưng đứng dưới tên cổ đông sáng lập Ông Đoàn Quang Sang. Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập, Ông Chung đề nghị Ông Sang chuyển trả 400.000 cổ phần (tương đương 4.000.000.000 đồng mệnh giá) cho Ông Chung, nhưng Ông Sang từ chối vì cho rằng Ông Chung còn nợ Ông Sang một số tiền. Ông Sang sau đó đã dùng 200.000 cổ phần trong tổng số 400.000 cổ phần đứng tên giúp Ông Chung để cân trừ số tiền mà Ông Chung nợ Ông Sang. Không nhận được cổ phiếu, Ông Chung đã khởi kiện Công ty để đòi lại 4.000.000.000 đồng đã nộp mua cổ phần và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Ông Chung. Công ty đã trả cho Ông Nguyễn Thành Chung giá trị của khoản vốn góp 4.000.000.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 10/2012/KDTM-PT vào ngày 12 tháng 10 năm 2012. Sau đó, Công ty đã làm việc trực tiếp với Ông Sang và đã đạt được thỏa thuận với Ông Đoàn Quang Sang là người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng mà Công ty đã trả cho Ông Chung như đề cập trên đây. Ông Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 đồng) hiện ông Sang đang đứng tên cho Ông Trương Gia Bảo - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật của Công ty. Tiếp đó, ngày 08 tháng 8 năm 2013, Công ty và Ông Sang đã đạt được thống nhất bằng văn bản về hướng xử lý liên quan việc hoàn trả toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng).

Tuy vậy, sau gần một năm nhưng Ông Sang vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận với Công ty. Do đó, ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện Ông Sang ra Tòa án có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, vụ án đã được thụ lý và được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục tố tụng. Tiếp theo, ngày 25 tháng 10 năm 2014, Tòa án đã có thông báo triệu tập lần thứ nhất để tiến trình giải quyết vụ kiện. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, vụ án vẫn đang được Tòa án tiến hành theo trình tự thủ tục pháp luật và dự kiến được đưa ra xét xử vào cuối năm 2015.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng), Công ty đã trích lập 70% giá trị khoản phải thu của 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 1.400.000.000 đồng).

8. HÀNG TỒN KHO

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho của Công ty bao gồm 2.000 thiết bị bảo mật hay còn gọi là thiết bị điện tử xác thực người dùng (Token Card). Từ tháng 3 năm 2015, Công ty chuyển các thiết bị này thành chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí trong khoảng thời gian là 3 năm.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	14.026.401.974	856.829.546	494.169.229	15.377.400.749
Tại ngày 30/6/2015	14.026.401.974	856.829.546	494.169.229	15.377.400.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	(12.449.945.174)	(700.382.690)	(421.730.768)	(13.572.058.632)
Khấu hao trong kỳ	(460.041.025)	(42.667.326)	(26.632.524)	(529.340.875)
Tại ngày 30/6/2015	(12.909.986.199)	(743.050.016)	(448.363.292)	(14.101.399.507)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	1.116.415.775	113.779.530	45.805.937	1.276.001.242
Tại ngày 31/12/2014	1.576.456.800	156.446.856	72.438.461	1.805.342.117

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	17.242.094.894
Tăng	67.072.000
Tại ngày 30/6/2015	<u>17.309.166.894</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	(12.581.508.165)
Khấu hao trong kỳ	(955.705.337)
Tại ngày 30/6/2015	<u>(13.537.213.502)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	<u>3.771.953.392</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.660.586.729</u>

Tổng nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.177.928.764 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.107.282.074 đồng). Trong đó nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết là 7.054.935.764 đồng và nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết là 2.122.993.000 đồng.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở lên	<u>95.000.000.000</u>	<u>101.500.000.000</u>
	<u>95.000.000.000</u>	<u>101.500.000.000</u>

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 13 tháng đến 24 tháng tại các ngân hàng thương mại. Lãi suất trung bình của các khoản tiền gửi này là 8,08% (năm 2014: 7,26%/năm).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhỏ hơn 30 triệu đồng	127.087.017	190.630.521
Chi phí di dời, lắp đặt và sửa chữa văn phòng	299.120.066	371.921.300
Thiết bị bảo mật (Token cards)	1.347.869.120	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>119.495.563</u>	<u>157.171.525</u>
	<u>1.893.571.766</u>	<u>719.723.346</u>

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán thể hiện số tiền nộp vào Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") vào ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a -CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Số tiền
VND

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

Tăng trong kỳ

Giảm trong kỳ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

81.064.507.604

(48.494.394.141)

32.570.113.463

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức thấu chi ký với một ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa là 38.025.000.000 đồng và chịu lãi suất là 6.75%/năm. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng của Công ty tại chính ngân hàng này với số tiền tương ứng là 42.250.000.000 đồng như đã trình bày ở Thuyết minh số 5.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

30/6/2015

31/12/2014

VND

VND

Thuế thu nhập cá nhân

110.693.143

74.860.542

Các loại thuế khác

100.000

-

110.793.143

74.860.542

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

30/6/2015

31/12/2014

VND

VND

Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

35.109.223.048

6.198.778.329

Phải trả nhà đầu tư

21.961.349.867

5.418.532.967

57.070.572.915

11.617.311.296

17. VỐN CỔ PHẦN

30/6/2015

31/12/2014

Được phép phát hành và đã góp vốn đủ

Số lượng (cổ phần)

36.000.000

36.000.000

Mệnh giá (đồng/cổ phần)

10.000

10.000

Giá trị (VND)

360.000.000.000

360.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Seamico Securities PLC	-	-	67.965.000.000	67.965.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	35.000.000.000	9,72	89.117.000.000	89.117.000.000
Công Ty 4 Oranges Co., Ltd.	-	-	49.530.000.000	49.530.000.000
Công ty TNHH E.Land Việt Nam	-	-	20.740.000.000	20.740.000.000
Các cổ đông khác	325.000.000.000	90,28	132.648.000.000	132.648.000.000
	360.000.000.000	100	360.000.000.000	360.000.000.000

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

19. DOANH THU KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	6.834.597.911	10.271.276.857
Lãi từ hoạt động giao dịch ký quỹ	4.320.007.618	1.016.950.629
Thu nhập khác	615.075.914	49.763.782
	11.769.681.443	11.337.991.268

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.946.402.882	2.134.468.277
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(371.007.200)	(13.200)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	201.164.000	215.549.727
Thu nhập chịu thuế	3.776.559.682	2.350.004.804
Lỗ tính thuế mang sang	(3.776.559.682)	(2.350.004.804)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 5.853.855.474 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.630.415.156 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a -CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản lỗ tính thuế của Công ty sẽ hết hạn trong vòng năm năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh khoản lỗ tính thuế.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
2015	5.853.855.474	9.630.415.156
	5.853.855.474	9.630.415.156

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	3.946.402.882	2.134.468.277
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.946.402.882	2.134.468.277
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110	59

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.399.509.144	1.598.752.023

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	1.166.257.620	2.791.757.232
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.395.878.616
	1.166.257.620	4.187.635.848

Tổng khoản phải trả tiền thuê của Công ty cho 342 m² của lầu 3, Tòa nhà Centec, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với phí thuê hàng tháng là 480.240 đồng/m² và phí dịch vụ 125.280 đồng/m². Phụ lục hợp đồng thuê được ký cho thời hạn 3 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2012 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.893.185.704	55.649.235.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.143.930.273	81.252.423.466
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	111.369.336.588	85.589.189.791
Các khoản ký quỹ dài hạn	634.263.520	634.263.520
	314.040.716.085	223.125.112.538
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	32.570.113.463	-
Phải trả người bán	49.987.200	49.987.200
Chi phí phải trả	817.185.987	805.750.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.070.572.915	11.617.311.296
Phải trả hộ cổ tức	14.965.188	1.111.801
	90.522.824.753	12.474.160.297

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a -CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	-	-	49.987.200	49.987.200

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có chỉ số tín dụng đáng tin cậy và yêu cầu đảm bảo trong các trường hợp cần thiết, như là một phương tiện hạn chế rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.893.185.704	-	49.893.185.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.143.930.273	-	152.143.930.273
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111.369.336.588	-	111.369.336.588
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	634.263.520	634.263.520
Tổng cộng	313.406.452.565	634.263.520	314.040.716.085
30/6/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	32.570.113.463	-	32.570.113.463
Phải trả người bán và phải trả khác	49.987.200	-	49.987.200
Chi phí phải trả	817.185.987	-	817.185.987
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.070.572.915	-	57.070.572.915
Phải trả cổ tức	14.965.188	-	14.965.188
Tổng cộng	90.522.824.753	-	90.522.824.753
Chênh lệch thanh khoản thuần	222.883.627.812	634.263.520	223.517.891.332
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.649.235.761	-	55.649.235.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.252.423.466	-	81.252.423.466
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.589.189.791	-	85.589.189.791
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	634.263.520	634.263.520
Tổng cộng	222.490.849.018	634.263.520	223.125.112.538
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.987.200	-	49.987.200
Chi phí phải trả	805.750.000	-	805.750.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11.617.311.296	-	11.617.311.296
Phải trả cổ tức	1.111.801	-	1.111.801
Tổng cộng	12.474.160.297	-	12.474.160.297
Chênh lệch thanh khoản thuần	210.016.688.721	634.263.520	210.650.952.241

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ <u>Cổ phiếu</u>	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ <u>VND</u>
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Cửa Công ty	3.120.320	84.864.957.000
- Cổ phiếu	3.120.320	84.864.957.000
b) Cửa nhà đầu tư	53.620.311	633.156.981.900
- Cổ phiếu	53.620.311	633.156.981.900
Tổng cộng	56.740.631	718.021.938.900

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công
Seamico Securities PLC
Ông Đoàn Quang Sang

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan gồm:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
Chi phí hợp phải trả Seamico Securities PLC	<u>37.653.871</u>	<u>79.817.999</u>

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Chi phí phải trả cho Seamico Securities PLC	37.653.871	25.000.000
Phải thu khác từ ông Đoàn Quang Sang (Thuyết minh số 7)	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Trần Thị Thúy Lan
Quyền Kế toán trưởng